

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2013 ĐẾN NGÀY 30/06/2013**

---

*Tháng 08, năm 2013*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

1. Ông Dương Mạnh Hải	Chủ tịch
2. Ông Đinh Hồng Long	Phó chủ tịch
3. Ông Lưu Quang Minh	Thành viên
4. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
5. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên
6. Ông Nguyễn Đăng Chiêu	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

1. Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc
2. Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Phạm Thị Hà Thương	Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Hoàng Văn Diện	Phó Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Ltd) - Thành viên của Hãng kiểm toán quốc tế UHY INTERNATIONAL (UHY).

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo đúng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Đinh Hồng Long**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013*

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập tại ngày 15/08/2013, trình bày từ trang 06 đến trang 35 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Khoản công nợ phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất số tiền 238.000.000.000 đồng đang được Công ty trích lập dự phòng 70% giá trị. Ông Nguyễn Anh Quân đang có lệnh truy nã đồng thời tài sản đảm bảo cho khoản công nợ này là số cổ phần tại Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc đang trong quá trình làm việc để chuyển nhượng. Trong năm 2012, theo biên bản thỏa thuận ngày 20/11/2012 với Công ty, gia đình Ông Nguyễn Anh Quân và Công ty cổ phần Tam Đảo mới dùng số cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình giá trị 45 tỷ đồng thanh toán cho Công ty thay cho Ông Nguyễn Anh Quân. Số cổ phần này Công ty Cổ phần Tam Đảo Mới nhận chuyển nhượng từ Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC). Hiện nay các bên liên quan đang xúc tiến các thủ tục cần thiết để chuyển số cổ phần này sang tên cho Công ty. Do việc chuyển nhượng đang được tiến hành và chúng tôi không có cơ sở để định giá được giá trị của các cổ phần này nên chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của toàn bộ khoản công nợ nói trên cũng như tính hợp lý của mức trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu liên quan đến tài sản chờ thu hồi giá trị 30,3 tỷ đồng, ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản giá trị hơn 10,3 tỷ đồng nêu tại thuyết minh số 7; khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá trị hơn 6,1 tỷ đồng nêu tại thuyết minh số 8; các khoản tạm ứng giá trị hơn 49,9 tỷ đồng nêu tại thuyết minh số 9 và các khoản đầu tư tài dài hạn khác giá trị hơn 92,7 tỷ đồng nêu tại thuyết minh số 11 trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá gốc. Chúng tôi không có đủ thông tin để đánh giá khả năng giảm giá trị của khoản tài sản chờ thu hồi, ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, các khoản tạm ứng và các khoản đầu tư dài hạn nói trên cũng như sự cần thiết phải trích lập dự phòng (nếu có).

Đến thời điểm lập Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các biên bản đối chiếu xác nhận số dư tại ngày 31/12/2012 của hơn 30 tỷ đồng đầu tư dài hạn khác (chiếm tỷ lệ 30% các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2012). Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa mang lại đầy đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra nhận xét về tính trung thực, hợp lý của các số dư này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty.

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2013, tổng công nợ phải trả của Công ty là 251.025.515.305 đồng, tổng tài sản ngắn hạn là 196.581.016.752 đồng trong đó các khoản phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân là 238.000.000.000 đồng đã quá hạn thanh toán, Công ty đã trích lập dự phòng số tiền là 166.600.000.000 đồng; lỗ lũy kế tính đến ngày 30/06/2013 là 313.669.842.351 đồng. Với tình hình tài chính như trên, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc phần lớn vào khả năng thu hồi khoản công nợ liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân cũng như khả năng thu xếp thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất do các hạn chế nêu trên, và trong giả định Công ty hoạt động liên tục, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

---

**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm  
toán viên số 0798-2013-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013*

---

**Hà Minh Long**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm  
toán viên số 1221-2013-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2013 VND</b>	<b>01/01/2013 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>196.581.016.752</b>	<b>247.436.126.211</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>490.349.559</b>	<b>892.129.571</b>
Tiền	111		490.349.559	892.129.571
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>84.982.984.084</b>	<b>132.291.405.462</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		253.524.835.235	252.940.677.991
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(168.541.851.151)	(120.649.272.529)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.345.195.443</b>	<b>54.746.829.719</b>
Phải thu khách hàng	131		4.446.500.016	4.791.500.016
Trả trước cho người bán	132		187.643.524	105.143.524
Các khoản phải thu khác	135	7	51.407.358.109	52.985.862.316
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.696.306.206)	(3.135.676.137)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.108.411.659</b>	<b>6.108.411.659</b>
Hàng tồn kho	141	8	6.108.411.659	6.108.411.659
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>52.654.076.007</b>	<b>53.397.349.800</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	1.199.969
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.700.796.836	2.730.720.660
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	49.953.279.171	50.665.429.171
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>87.798.994.670</b>	<b>100.236.044.161</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.338.778</b>	<b>658.888.650</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.338.778	658.888.650
- Nguyên giá	222		212.400.894	1.159.826.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(205.062.116)	(500.938.062)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>86.235.063.469</b>	<b>97.962.673.694</b>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	11	92.730.007.360	101.653.001.440
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(6.494.943.891)	(3.690.327.746)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.556.592.423</b>	<b>1.614.481.817</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		121.034.043	178.923.437
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		435.558.380	435.558.380
Tài sản dài hạn khác	268		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>284.380.011.422</b>	<b>347.672.170.372</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>251.025.515.305</b>	<b>258.460.150.250</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>251.025.515.305</b>	<b>258.460.150.250</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	125.348.660.705	135.353.866.345
Phải trả người bán	312		3.763.821.267	5.138.534.707
Người mua trả tiền trước	313		3.666.803.850	3.458.718.450
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	11.263.789.527	11.246.711.670
Phải trả người lao động	315		304.904.206	174.982.999
Chi phí phải trả	316	15	33.936.061.349	30.323.600.167
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	69.040.206.002	69.062.467.513
Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323		3.701.268.399	3.701.268.399
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>17</b>	<b>33.354.496.117</b>	<b>89.212.020.122</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>33.354.496.117</b>	<b>89.212.020.122</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.533.600.000	324.533.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		16.350.914.364	16.350.914.364
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.871.413.179	3.871.413.179
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.268.410.925	2.268.410.925
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(313.669.842.351)	(257.812.318.346)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>284.380.011.422</b>	<b>347.672.170.372</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
Ngoại tệ các loại (USD)		1.312,70	1.325,33

**Đinh Hồng Long**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

**Nguyễn Thị Hải Yến**  
**Kế toán trưởng**

**Khuất Thị Trang**  
**Người lập biểu**



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>1.048.497.000</b>	<b>9.699.937.336</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>1.048.497.000</b>	<b>9.699.937.336</b>
Giá vốn hàng bán	11		-	15.610.263.583
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.048.497.000</b>	<b>(5.910.326.247)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	454.212.672	83.292.182
Chi phí tài chính	22	20	6.491.313.341	28.214.228.939
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.681.554.625	17.532.392.528
Chi phí bán hàng	24	21	1.420.263.939	1.855.843.272
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	49.315.273.499	49.501.726.499
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(55.724.141.107)</b>	<b>(85.398.832.775)</b>
Thu nhập khác	31		576.727.273	881.818.182
Chi phí khác	32		710.110.171	998.811.535
<b>Lỗ khác</b>	<b>40</b>		<b>(133.382.898)</b>	<b>(116.993.353)</b>
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(55.857.524.005)</b>	<b>(85.515.826.128)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lỗ sau thuế thu nhập DN</b>	<b>60</b>		<b>(55.857.524.005)</b>	<b>(85.515.826.128)</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi ích của cổ đông Công ty	62		(55.857.524.005)	(85.515.826.128)
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>(1.721)</b>	<b>(2.636)</b>

**Đinh Hồng Long**  
**Tổng Giám đốc**  
*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013*

**Nguyễn Thị Hải Yến**  
**Kế toán trưởng**

**Khuất Thị Trang**  
**Người lập biểu**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.601.582.400	42.068.893.763
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(1.375.196.323)	(10.924.894.363)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(754.582.901)	(1.554.784.439)
Tiền chi trả lãi vay	04	(149.824.443)	(3.776.764.006)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.509.246.371	2.608.982.950
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(1.689.353.191)	(1.540.969.336)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(858.128.087)</b>	<b>26.880.464.569</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	630.000.000	970.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(585.157.244)	(13.444.677.120)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000	39.493.430.070
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.922.994.080	3.764.395.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	585.966.879	2.612.587.499
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>9.554.803.715</b>	<b>33.395.735.449</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	988.350.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.390.140.800	14.414.731.440
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.488.596.440)	(76.500.791.706)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.098.455.640)</b>	<b>(61.097.710.266)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(401.780.012)</b>	<b>(821.510.248)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>892.129.571</b>	<b>1.146.815.121</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>490.349.559</b>	<b>325.304.873</b>

**Đinh Hồng Long**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

**Nguyễn Thị Hải Yến**  
**Kế toán trưởng**

**Khuất Thị Trang**  
**Người lập biểu**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007, và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 12 ngày 24/06/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, mã số doanh nghiệp hiện tại là 0102287094.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐTĐBXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12, vốn điều lệ của Công ty là 324.533,6 triệu đồng Việt Nam, chia thành 32.453.360 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 30/06/2013 của Công ty là 32.453.360 cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SHN (ngày chào sàn 16/12/2009).

Số lao động thường xuyên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 15 người (tại ngày 31/12/2012 là 20 người)

**1.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đầu tư vào công ty con, nắm quyền kiểm soát công ty này trong việc ra các quyết định tài chính và quyết định kinh doanh. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty mẹ con do Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội giữ vai trò là Công ty mẹ.

Tại ngày 30/06/2013, Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty là:

	30/06/2013	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	100%
Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 KĐT Trung Hòa Nhân Chính - Hà Nội				
Ngành nghề kinh doanh chính:				
Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô; buôn bán nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống.				
<b>Tổng</b>	<b>2.000.000.000</b>			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư tài chính;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty con theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận tải hành khách, vận chuyển hàng hóa bằng ô tô theo chuyến, theo hợp đồng cố định;
- Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải đường sắt;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Buôn bán đường sữa, và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Buôn bán đồ uống không có cồn.

Hoạt động chính của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 là thu hồi công nợ, cơ cấu lại công nợ, tiến hành khoanh nợ, đàm phán tiếp tục gia hạn nợ và thực hiện dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mặc dù gặp khó khăn về tài chính liên quan đến khoản phải thu Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân cũng như thu xếp thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty có khả năng thu hồi khoản công nợ này và thu xếp được các khoản phải trả khi đến hạn. Hiện tại, qua thông tin từ nhiều nguồn cũng như qua việc làm việc với gia đình Ông Nguyễn Anh Quân, Công ty đã tìm hiểu được Ông Nguyễn Anh Quân còn sở hữu một số tài sản và đã gửi Công văn đến Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự và quản lý kinh tế và chức vụ Công an Thành phố Hà Nội (PC 46) đề nghị PC46 phong tỏa các tài sản trên để giúp Công ty thu hồi công nợ. Các tài sản đề cập bao gồm: Biệt thự loại A1, ô số 15 khu đô thị Chùa Hà Tiên, phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc diện tích 400m<sup>2</sup>; Biệt thự tại số 91 đường Cao Thắng, phường 3, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 411m<sup>2</sup>; Biệt thự tại 42/42 đường Đặng Thai Mai, Tây Hồ, Hà Nội; 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông thép Ninh Bình. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Công ty con do Công ty nắm giữ quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh nhằm đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là phù hợp và nhất quán.

Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và công ty con được loại trừ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu và nợ phải trả trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Việc áp dụng các thông tư này không ảnh hưởng đáng kể đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b><u>Loại tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian sử dụng (năm)</u></b>
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3

**3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của các tổ chức kinh tế mà Công ty có tham gia góp vốn. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn khác được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại ngày này. Theo đó, dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường tại ngày lập báo cáo thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ kế toán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Giá trị các khoản Đầu tư dài hạn bao gồm Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản Đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

**3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức.

**3.10 NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ, phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**3.11 CHI PHÍ ĐI VAY**

Các khoản vay của Công ty trong kỳ gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**3.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

<b>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013</b>	<b>Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam VND</b>	<b>Công ty mẹ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
- Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	-	1.048.497.000	-	1.048.497.000
- Tổng doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu theo bộ phận</b>	<b>-</b>	<b>1.048.497.000</b>	<b>-</b>	<b>1.048.497.000</b>
<b>Chi phí theo bộ phận</b>				
- Chi phí phân bổ trực tiếp	(1.946.600)	(50.733.590.838)	-	(50.735.537.438)
<b>Kết quả hoạt động theo bộ phận</b>	<b>(1.946.600)</b>	<b>(49.685.093.838)</b>	<b>-</b>	<b>(49.687.040.438)</b>
- Thu nhập / (Chi phí) tài chính	92.982	(6.037.193.651)	-	(6.037.100.669)
- Thu nhập / (Chi phí) khác	-	(133.382.898)	-	(133.382.898)
- Lãi / (lỗ) từ đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(1.853.618)</b>	<b>(55.855.670.387)</b>	<b>-</b>	<b>(55.857.524.005)</b>
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>				
<b>Tài sản</b>				
- Tài sản ngắn hạn	2.319.731.770	201.303.992.689	(7.042.707.707)	196.581.016.752
- Tài sản cố định hữu hình	-	7.338.778	-	7.338.778
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	88.235.063.469	(2.000.000.000)	86.235.063.469
- Tài sản dài hạn khác	-	1.121.034.043	435.558.380	1.556.592.423
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.319.731.770</b>	<b>290.667.428.979</b>	<b>(8.607.149.327)</b>	<b>284.380.011.422</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
- Nợ ngắn hạn	6.237.707.707	251.830.515.305	(7.042.707.707)	251.025.515.305
- Nợ dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>6.237.707.707</b>	<b>251.830.515.305</b>	<b>(7.042.707.707)</b>	<b>251.025.515.305</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>(3.917.975.937)</b>	<b>38.836.913.674</b>	<b>(1.564.441.620)</b>	<b>33.354.496.117</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	382.209.834	593.615.133
Tiền gửi ngân hàng	108.139.725	298.514.438
	<b>490.349.559</b>	<b>892.129.571</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2013		01/01/2013	
	CP	VND	CP	VND
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	253.524.835.235	-	252.940.677.991
Cho cá nhân và tổ chức kinh tế vay	-	248.661.416.675	-	248.077.259.431
Trong đó				
- Công ty CP BETA BQP vay ( **)	-	238.000.000.000	-	238.000.000.000
- Cá nhân và tổ chức kinh tế khác vay ( *)	-	10.661.416.675	-	10.077.259.431
Đầu tư ngắn hạn khác	-	4.863.418.560	-	4.863.418.560
- Dự phòng	-	(168.541.851.151)	-	(120.649.272.529)
Dự phòng phải thu	-	(168.541.851.151)	-	(120.649.272.529)
- Công ty CP BETA BQP vay ( ***)	-	(166.600.000.000)	-	(119.000.000.000)
- Cá nhân và tổ chức kinh tế khác vay	-	(1.941.851.151)	-	(1.649.272.529)
	-	84.982.984.084	-	132.291.405.462

(\*) Đây là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế của Hội đồng Quản trị Công ty về việc huy động vốn nhân rồi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 65% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

(\*\*) Công ty CP BETA BQP vay: Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A- Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng.

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân Ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

Tại ngày 30/06/2013 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa được thực hiện. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và có lệnh truy nã vào ngày 24/12/2011. Công ty đã có công văn đề nghị Công ty CP Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại Công văn số 26/2011/CV-TĐM 14/06/2011, tuy nhiên, đến nay vẫn không có văn bản trả lời, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 70% giá trị khoản công nợ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)**

Liên quan đến khoản công nợ phải thu này, lãi vay phải thu của khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011 và Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, lãi suất vay là 25%/năm, ước tính đến 31/12/2011 là khoảng 41 tỷ đồng. Đồng thời, theo Công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 35 tỷ đồng.

Ngoài ra, có khoản tiền Công ty CP BETA BQP xác nhận bồi thường thiệt hại cho Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội do không thực hiện đúng các cam kết về thanh toán dẫn đến việc Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội đã phải bán giảm giá tài sản để trả nợ cho các cá nhân đã góp vốn đầu tư vào Dự án Thanh Hà số tiền là khoảng 34 tỷ đồng. Tổng giá trị các khoản phải thu tăng thêm là khoảng 111 tỷ đồng. Do khoản nợ gốc chưa chắc chắn thu hồi nên tạm thời Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 20/11/2012, gia đình Ông Nguyễn Anh Quân và Công ty cổ phần Tam Đảo mới dùng 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông Thép Ninh Bình giá trị 45 tỷ đồng để thanh toán cho Công ty thay cho Ông Nguyễn Anh Quân. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2013 việc chuyển nhượng số cổ phần này sang cho Công ty vẫn chưa được thực hiện.

(\*\*\*) Khoản công nợ với Công ty CP BETA BQP số tiền chậm thanh toán là: 238 tỷ đồng, Công ty đang trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 70% trên tổng số tiền phải thu của Công ty CP BETA BQP.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản (*)	10.377.850.000	11.284.600.000
<i>Công ty Cổ Phần đầu tư bất động sản An Bình</i>	<i>3.763.200.000</i>	<i>3.763.200.000</i>
<i>Công ty CP bất động sản Mê Kông</i>	<i>6.614.650.000</i>	<i>7.521.400.000</i>
Tài sản chờ thu hồi (**)	30.300.000.000	31.000.000.000
Công ty Cổ phần An Sinh	8.654.800.000	8.654.800.000
Tiền lãi vay phải thu khác	830.996.965	1.212.751.172
Phải thu khác	1.243.711.144	833.711.144
	<b>51.407.358.109</b>	<b>52.985.862.316</b>

(\*) Trong đó bao gồm:

- Khoản phải thu Công ty CP Bất động sản Mê Kông số tiền là: 6.614.650.000 đồng. Công ty thực hiện theo hợp đồng góp vốn đầu tư Dự án: MEKONG PLAZA thuộc Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn – Geleximco, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội số GV12/18A-00/00/48 tháng 04 năm 2012.

- Khoản phải thu Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình số tiền là: 3.763.200.000 đồng. Công ty thực hiện theo hợp đồng số 06/2010/HĐCNGV/ABC-KH-N03T6 về việc góp vốn được quyền mua căn hộ Tòa nhà N03-06 khu ngoại giao đoàn. Ngoài ra, Công ty còn chuyển cho Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình số tiền là 4,48 tỷ đồng. Đồng thời cũng ghi nhận khoản vay ngắn hạn không tính lãi với các cá nhân cho vay để được quyền mua căn hộ mà bên Công ty có quyền kinh doanh khi góp vốn đúng bằng số tiền 4,48 tỷ đồng. Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện bù trừ khoản phải thu Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Bình và khoản vay ngắn hạn các cá nhân số tiền là 4,48 tỷ đồng.

(\*\*) Công ty ghi nhận 09 cây Tùng La Hán với giá trị là 30,3 tỷ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí SXKD dở dang	6.108.411.659	6.108.411.659
<b>Giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>6.108.411.659</b>	<b>6.108.411.659</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	49.953.279.171	50.665.429.171
	<b>49.953.279.171</b>	<b>50.665.429.171</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>01/01/2013</b>	<b>947.425.818</b>	<b>212.400.894</b>	<b>1.159.826.712</b>
- Thanh lý, nhượng bán	947.425.818	-	947.425.818
<b>30/06/2013</b>	<b>-</b>	<b>212.400.894</b>	<b>212.400.894</b>
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
<b>01/01/2013</b>	<b>(305.939.589)</b>	<b>(194.998.473)</b>	<b>(500.938.062)</b>
- Trích khấu hao trong kỳ	(29.607.058)	(10.063.643)	(39.670.701)
- Thanh lý, nhượng bán	335.546.647	-	335.546.647
<b>30/06/2013</b>	<b>-</b>	<b>(205.062.116)</b>	<b>(205.062.116)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>01/01/2013</b>	<b>641.486.229</b>	<b>17.402.421</b>	<b>658.888.650</b>
<b>30/06/2013</b>	<b>-</b>	<b>7.338.778</b>	<b>7.338.778</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 118.991.748 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2013		01/01/2013	
	CP	VND	CP	VND
- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	-	40.020.500.000	-	40.020.500.000
<u>Cổ phiếu niêm yết</u>	-	-	-	-
<u>Cổ phiếu chưa niêm yết</u>	3.447.200	40.020.500.000	3.447.200	40.020.500.000
+ Công ty CP Chứng khoán Hà Nội (*)	60.000	2.100.000.000	60.000	2.100.000.000
+ Công ty CP Phát triển Hạ tầng Hà Nội	1.344.200	13.442.000.000	1.344.200	13.442.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Tài chính Findex	148.000	1.776.000.000	148.000	1.776.000.000
+ Tổng công ty CP Điện tử Tin học	20.000	380.000.000	20.000	380.000.000
+ Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	85.000	1.572.500.000	85.000	1.572.500.000
+ Công ty CP Thủy điện Đăkpru HANIC	390.000	3.900.000.000	390.000	3.900.000.000
+ Công ty CP Xuân Minh SD Thanh Hoa	300.000	5.850.000.000	300.000	5.850.000.000
+ Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang(**)	1.100.000	11.000.000.000	1.100.000	11.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	52.709.507.360	-	61.632.501.440
+ Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000
+ Dự án toà nhà văn phòng và khu chung cư cao cấp Mỹ Đình	-	5.067.000.000	-	5.067.000.000
+ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Diêm Thụy	-	7.207.000.000	-	7.207.000.000
+ Dự án CT1 - The Pride (***)	-	15.435.507.360	-	24.358.501.440
	<b>3.447.200</b>	<b>92.730.007.360</b>	<b>3.447.200</b>	<b>101.653.001.440</b>

Ghi chú: Khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

(\*) Ngày 05/07/2013, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã ra quyết định số 414/QĐ-UBCK chấm dứt hoạt động kinh doanh của Công ty CP Chứng khoán Hà Nội để thực hiện thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động. Nguyên nhân của việc chấm dứt hoạt động là lỗi gộp của Công ty CP Chứng khoán Hà Nội đã vượt trên mức 50% vốn điều lệ.

(\*\*) Theo Nghị quyết của HĐQT số 15/NQ-HĐQT/2012 ngày 22/05/2012 và Nghị Quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 của Đại hội đồng cổ đông về việc phê duyệt chuyển nhượng đầu tư từ khu công nghiệp Diêm Thụy tại Thái Nguyên do Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang làm chủ đầu tư sang khu đô thị sinh thái tại Hòa Bình. Công ty dự định về việc chuyển nhượng 1,1 triệu cổ phần với mệnh giá 11 tỷ đồng (giá gốc khoản đầu tư là 11 tỷ đồng) tại Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang cho Công ty CP Đầu tư Thương mại Thịnh Lâm với giá 5,5 tỷ. Đổi lại, Công ty được quyền tham gia 51% giá trị dự án khu đô thị sinh thái 35ha tại tỉnh Hòa Bình của Công ty CP Đầu tư Thương mại Thịnh Lâm. Công ty đã ký biên bản thương thảo ngày 18/04/2012 với Công ty CP Đầu tư thương mại Thịnh Lâm nhưng chưa ký hợp đồng chính thức chuyển nhượng và cũng chưa làm thủ tục chuyển cổ phần tại Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang.

(\*\*\*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Đầu tư Hải Phát (chủ đầu tư) về việc góp vốn đầu tư và kinh doanh dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”. Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư và phụ lục 06, Công ty sẽ góp vốn vào dự án với tổng số tiền là: 215.263.339.200 đồng với diện tích sàn 9.856,38 m2 từ tầng 7 đến tầng 33. Tính đến thời điểm 30/06/2013, Công ty đã góp là khoảng 13,2 tỷ đồng và ghi nhận khoản phải trả góp đợt 4 là 2,2 tỷ đồng. Phần còn lại sẽ góp theo tiến độ hoàn thành của dự án do chủ đầu tư thông báo. Trường hợp quyền mua các căn hộ được chuyển cho khách hàng, khách hàng sẽ trực tiếp thanh toán phần còn lại cho chủ đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án CT1 - The Pride	2.798.028.338	3.690.327.746
Công ty CP Phát Triển Hạ tầng Hà Nội	3.696.915.553	-
<b>Tổng</b>	<b>6.494.943.891</b>	<b>3.690.327.746</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	6.522.000.000	7.712.000.000
Chi nhánh Long Biên (*)		
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh	14.840.106.880	14.810.106.880
Đông Đô (*)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát	3.890.140.800	-
Vay các cá nhân (**)	100.096.413.025	112.831.759.465
	<b>125.348.660.705</b>	<b>135.353.866.345</b>

(\*) Các khoản vay hai ngân hàng này được Công ty thế chấp bằng một số căn hộ mà Công ty được quyền bán thuộc dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng – Hà Đông – Hà Nội.

(\*\*) Trong đó có số dư vay cá nhân liên quan đến dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng – Hà Đông – Hà Nội với số tiền là 28.576.441.225 đồng. Các khoản vay này không tính lãi suất.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	125.666.714	125.666.714
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.182.877.134	10.182.877.134
Thuế thu nhập cá nhân	619.166.669	602.088.812
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	336.079.010	336.079.010
	<b>11.263.789.527</b>	<b>11.246.711.670</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả cá nhân	17.202.206.529	15.663.428.585
Lãi vay phải trả ngân hàng	16.653.123.820	14.660.171.582
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	12.981.457.400	11.451.895.828
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam Chi nhánh Long Biên	3.671.666.420	3.208.275.754
Chi phí phải trả khác	80.731.000	-
<b>Tổng</b>	<b>33.936.061.349</b>	<b>30.323.600.167</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	8.607.480	10.521.455
Bảo hiểm xã hội	54.887.178	54.704.503
Bảo hiểm y tế	5.036.318	9.660.937
Bảo hiểm thất nghiệp	2.689.217	4.620.809
Công ty Quản lý quỹ Dầu khí toàn cầu (*)	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty CP Phát triển hạ tầng Hà Nội (**)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính An Thịnh	305.730.435	305.730.435
Cổ tức phải trả cổ đông	40.569.376	40.569.376
Ông Đỗ Trung Thiện	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Vũ Đức Toàn	300.000.000	300.000.000
Phải trả các cá nhân tiền góp vốn hợp tác đầu tư	4.199.400.000	4.199.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (***)	28.123.285.998	28.137.259.998
	<b>69.040.206.002</b>	<b>69.062.467.513</b>

(\*) Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND và Biên bản thống nhất ngày 16/05/2009 giữa Công ty và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 15% vốn đầu tư dự án xây dựng khu đô thị mới Tây Mỗ.

(\*\*) Số tiền Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội chuyển theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền tham gia dự án Trung tâm Thương mại dịch vụ và nhà ở Vạn Minh.

(\*\*\*) Trong đó số dư phải trả khác 27.847.707.499 liên quan đến việc công ty nhận chuyển nhượng 14 cây tùng la hán và bù lại đối tác sẽ được tham gia hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/Hanic ngày 10/11/2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của các cổ đông	324.533.600.000	324.533.600.000
	<b>324.533.600.000</b>	<b>324.533.600.000</b>

**17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	324.533.600.000	324.533.600.000
+ Vốn góp cuối kỳ	324.533.600.000	324.533.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**17.3 CỔ PHIẾU**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	32.453.360	32.453.360
+ Cổ phiếu thường	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.453.360	32.453.360
+ Cổ phiếu thường	32.453.360	32.453.360
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>01/01/2012</b>	<b>324.533.600.000</b>	<b>19.415.004.618</b>	<b>(4.052.440.254)</b>	<b>3.871.413.179</b>	<b>2.268.410.925</b>	<b>(147.016.818.530)</b>	<b>199.019.169.938</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(127.022.179.816)	(127.022.179.816)
Tăng khác	-	-	-	-	-	16.226.680.000	16.226.680.000
Giảm khác	-	(3.064.090.254)	4.052.440.254	-	-	-	988.350.000
<b>31/12/2012</b>	<b>324.533.600.000</b>	<b>16.350.914.364</b>	<b>-</b>	<b>3.871.413.179</b>	<b>2.268.410.925</b>	<b>(257.812.318.346)</b>	<b>89.212.020.122</b>
<b>01/01/2013</b>	<b>324.533.600.000</b>	<b>16.350.914.364</b>	<b>-</b>	<b>3.871.413.179</b>	<b>2.268.410.925</b>	<b>(257.812.318.346)</b>	<b>89.212.020.122</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(55.857.524.005)	(55.857.524.005)
<b>30/06/2013</b>	<b>324.533.600.000</b>	<b>16.350.914.364</b>	<b>-</b>	<b>3.871.413.179</b>	<b>2.268.410.925</b>	<b>(313.669.842.351)</b>	<b>33.354.496.117</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.048.497.000</b>	<b>9.699.937.336</b>
- Doanh thu bán hàng	-	9.681.570.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.048.497.000	18.367.336
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.048.497.000</b>	<b>9.699.937.336</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	454.212.672	(213.927.169)
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	2.139.550
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	161.007.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	207.301
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	133.865.000
	<b>454.212.672</b>	<b>83.292.182</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	3.681.554.625	17.532.392.528
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	6.408.356.057
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	263.001
Lỗ thoái vốn đầu tư	-	4.845.200.000
Lỗ giảm giá bán căn hộ	-	1.963.769.082
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	3.696.915.553	(2.511.551.729)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(892.299.408)	-
Chi phí tài chính khác	5.142.571	(24.200.000)
	<b>6.491.313.341</b>	<b>28.214.228.939</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	399.854.116	659.990.542
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	77.763.430	86.323.133
Chi phí thuê, phí, lệ phí	7.056.333	5.028.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.930.157	42.968.286
Chi phí bằng tiền khác	927.659.903	1.061.533.311
	<b>1.420.263.939</b>	<b>1.855.843.272</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	589.018.244	1.067.144.698
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	97.986.142	227.079.643
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.670.701	159.482.164
Chi phí thuê, phí, lệ phí	27.632.100	73.045.727
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	48.453.208.691	47.871.648.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.702.621	97.025.999
Chi phí bằng tiền khác	58.055.000	6.300.000
	<b>49.315.273.499</b>	<b>49.501.726.499</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(85.767.936.859)</b>	<b>(85.515.826.128)</b>
Các khoản điều chỉnh khôi thu nhập chịu thuế	-	161.007.500
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	161.007.500
Điều chỉnh tăng chi phí tính thuế	-	-
Điều chỉnh giảm chi phí tính thuế	650.936.249	2.651.828.433
- Chi phí lãi vay vượt mức 1,5 lần lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà Nước quy định	650.936.249	2.651.828.433
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(85.117.000.610)</b>	<b>(83.025.005.195)</b>
Chi phí thuế TNDN ước tính theo thuế suất 25%	-	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp thêm theo biên bản quyết toán thuế	-	-
<b>Chi phí thuế TN doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**24.1 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ</b>	32.453.360	32.453.360
Số cổ phiếu quỹ đầu năm	-	263.000
Số cổ phiếu quỹ giảm trong kỳ	-	263.000
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ</b>	<b>32.453.360</b>	<b>32.445.522</b>

**24.2 LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(55.857.524.005)	(85.515.826.128)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	32.453.360	32.445.522
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.721)</b>	<b>(2.636)</b>

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ phải trả (bao gồm các khoản vay, nợ như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14 – Công cụ tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	490.349.559	892.129.571
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	84.982.984.084	132.291.405.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.157.551.919	54.641.686.195
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	86.235.063.469	97.962.673.694
<b>Tổng</b>	<b>223.865.949.031</b>	<b>285.787.894.922</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	125.348.660.705	135.353.866.345
Phải trả người bán	3.763.821.267	5.138.534.707
Chi phí phải trả	33.936.061.349	30.323.600.167
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.968.985.809	68.982.959.809
<b>Tổng</b>	<b>232.017.529.130</b>	<b>239.798.961.028</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(8.151.580.099)</b>	<b>45.988.933.894</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)**

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên giá trị tài sản bằng ngoại tệ của Công ty rất nhỏ.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Tài sản</b>	<b>1.309,47</b>	<b>1.325,33</b>
- Đô la Mỹ (USD)	1.309,47	1.325,33

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng phương pháp phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp. Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2013 là: 108.139.725 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)**

*Phải thu khách hàng và phải thu khác*

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa thực hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty trên cơ sở phân tích các thông tin sẵn có liên quan.

*Các khoản đầu tư*

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư, cho vay với các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả bao gồm gốc và tiền lãi (nếu có).

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>30/06/2013</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	125.348.660.705	-	125.348.660.705
Phải trả người bán	3.763.821.267	-	3.763.821.267
Chi phí phải trả	33.936.061.349	-	33.936.061.349
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.968.985.809	-	68.968.985.809
	<b>232.017.529.130</b>	<b>-</b>	<b>232.017.529.130</b>
<b>01/01/2013</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	135.353.866.345	-	135.353.866.345
Phải trả người bán	5.138.534.707	-	5.138.534.707
Chi phí phải trả	30.323.600.167	-	30.323.600.167
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.982.959.809	-	68.982.959.809
	<b>239.798.961.028</b>	<b>-</b>	<b>239.798.961.028</b>

Mặc dù đang gặp khó khăn do nợ ngắn hạn lớn trong khi Tài sản ngắn hạn có rủi ro tín dụng, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn hoặc làm việc với đối tác để được gia hạn nợ.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Số liệu được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm gốc và lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>30/06/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	490.349.559	-	490.349.559
Đầu tư ngắn hạn	84.982.984.084	-	84.982.984.084
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.157.551.919	-	52.157.551.919
Đầu tư dài hạn	-	86.235.063.469	86.235.063.469
	<b>137.630.885.562</b>	<b>86.235.063.469</b>	<b>223.865.949.031</b>
<b>01/01/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	892.129.571	-	892.129.571
Đầu tư ngắn hạn	132.291.405.462	-	132.291.405.462
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.641.686.195	-	54.641.686.195
Đầu tư dài hạn	-	97.962.673.694	97.962.673.694
	<b>187.825.221.228</b>	<b>97.962.673.694</b>	<b>285.787.894.922</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Giao dịch với các bên liên quan:*

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>			
Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám Đốc	-	142.000.000
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	-	100.000.000
<b>Nợ gốc vay đã trả</b>			
Ông Đinh Hồng Long		-	1.663.500.000
Ông Lưu Quang Minh		690.000.000	160.000.000
<b>Lãi vay</b>			
Ông Đinh Hồng Long		-	182.402.538
Ông Lưu Quang Minh		186.042.334	428.246.999
<b>Lãi vay đã trả</b>			
Ông Đinh Hồng Long		-	252.365.493
Ông Lưu Quang Minh		-	510.000

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:*

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lương và thu nhập khác	227.417.468	408.310.429
<b>Cộng</b>	<b>227.417.468</b>	<b>408.310.429</b>

*Số dư với các bên liên quan:*

	Mối quan hệ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>			
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	3.800.000.000	4.490.000.000
<b>Chi phí phải trả</b>			
Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám Đốc	19.145.915	19.145.915
Ông Lưu Quang Minh		981.192.832	795.150.498

**26.2 GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN BỊ KIỂM SOÁT**

Từ ngày 10/04/2013, theo thông báo số 280/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà nội, mã chứng khoán là SHN, loại chứng khoán phổ thông, bị đưa vào diện kiểm soát.

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**26.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty đã được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán.

---

**Đinh Hồng Long**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013*

---

**Nguyễn Thị Hải Yến**  
**Kế toán trưởng**

---

**Khuất Thị Trang**  
**Người lập biểu**